**CHUYÊN ĐỀ IX. ĐẠI TỪ SỞ HỮU**

**A. Kiến thức lý thuyết**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đại từ nhân xưng**  (Subject Pronoun) | **Tính từ sở hữu**  (Possessive Adjective) | **Đại từ sở hữu**  (Possessive Pronoun) |
| I | my | mine |
| you | your | yours |
| he | his | his |
| she | her | hers |
| it | its | - |
| we | our | ours |
| they | their | theirs |

**- Tính từ sở hữu** luôn đứng trước danh từ để nói rõ ai / cái gì đó thuộc sở hữu của ai / cái gì.

**- Đại từ sở hữu** thay cho (cụm) danh từ để tránh sự lặp tư trong câu và đứng độc lập.

- **Tính từ sở hữu + Danh từ** có thể được thay thể bởi **Đại từ sở hữu**.

*E.g. This is* my pen. *This pen is* mine.

*This is her book. This book is hers.*

**B. Luyện tập**

***Exercise 1: Choose the best answer A, B, C, or D to complete each of the following sentences.***

1. Why aren't you using \_\_\_\_\_ calculator, Linh?

A. your's B. you're C. yours D. your

2. Is this your idea or \_\_\_\_\_?

A. her B. hers C. her's D. she's

3. This company is known for \_\_\_\_\_ high-quality products.

A. its B. their's C. it's D. theirs

4. All the comments on this post are \_\_\_\_\_.

A. my B. my's C. mine D. me

5. \_\_\_\_\_ new neighbours seem very nice, but they're quite noisy.

A. We're B. Ours C. Our's D. Our

Exercise 2: Complete the second sentence so that it has the same meaning as the first sentence.

6. I've left my pen at home. Can I borrow a pen of yours?

🡪 I've left my pen at home. Can I borrow

7. Does this new car belong to him, Hoa?

🡪 Is this new car

8. Some of my friends work as volunteer environmentalists every summer.

🡪 Some friends

9. Thanh is one of her cousins.

🡪 Thanh is a

10. Two of their films were chosen as the best of the year.

🡪 Two films